

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 22-10-2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Văn Định

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Hương

Bà Lâm Thị Nguyệt Hồ

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Bằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Bà Lý Thế Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 283/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị **H** – sinh năm 1986. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số A, khóm B, phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Chỗ ở hiện nay: số D, khóm B, phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu “vắng mặt”.

2. *Bị đơn:* anh **K** – sinh năm 1984. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: số B, khóm C, phường D, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị H trình bày:

Về hôn nhân: chị và anh **K** tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2009, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường 2, thị xã Bạc Liêu (nay là thành phố Bạc Liêu), tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn số 75/2010, quyển số 01 ngày 24/6/2010. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, chị nghi ngờ anh **K** có quan hệ bất chính với người phụ nữ

khác dẫn đến vợ chồng thường hay cãi vã, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2017 đến nay. Nay chị xác định vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và không có biện pháp hàn gắn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh K.

Về con chung: không có

Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có

Về phía bị đơn anh K trình bày:

Về hôn nhân: anh thống nhất với lời trình bày của chị H về vấn đề hôn nhân. Trong thời gian chung sống vợ chồng có xảy ra một số mâu thuẫn nhỏ nhặt trong gia đình, không có xảy ra mâu thuẫn gì lớn. Nay anh nhận thấy còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn mà yêu cầu được đoàn tụ.

Về con chung: không có

Về tài sản chung: trường hợp ly hôn thì vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm hôm nay, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định. Việc chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đầy đủ. Vì vậy, về mặt thủ tục tố tụng Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị gì.

Về nội dung vụ án: Về hôn nhân, chị H và anh K chung sống có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng đã mâu thuẫn, không sống chung trong một thời gian dài, không thể hàn gắn nên việc chị H yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận. Về con chung: không có nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung: vợ chồng xác định tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét. Về nợ chung không có nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị H yêu cầu ly hôn với anh K, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh K cư trú tại số B, khóm C, phường D, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn chị H.

Bị đơn anh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ theo khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn anh K.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị H và anh K tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2009, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường 2, thị xã Bạc Liêu (nay là thành phố Bạc Liêu), tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn số 75/2010, quyển số 01 ngày 24/6/2010 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hôn nhân được xây dựng trên mối quan hệ tình cảm vợ chồng và các thành viên trong gia đình. Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, cùng nhau chia sẻ, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Tuy nhiên, theo chị H xác định quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị nghi ngờ anh K có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng thường hay cãi vã, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2017 đến nay. Đối với anh K, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã triệu tập anh K đến Tòa án tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh K không có mặt, điều này chứng tỏ anh K không có nguyện vọng muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ngoài ra, tại biên bản xác minh ngày 10/9/2019, đại diện chính quyền địa phương nơi vợ chồng chị H và anh K sinh sống xác nhận từ tháng 7/2017, vợ chồng anh K và chị H bắt đầu xảy ra mâu thuẫn trong công việc, chị H thường đi làm về khuya dẫn đến hai vợ chồng cãi vã với nhau, từ đầu tháng 7/2017 chị H đã dọn ra ở riêng và sống ly thân với anh K từ đó cho đến nay. Như vậy, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị H và anh K đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

[2.2] Về con chung: chị H và anh K xác định anh chị không có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: chị H và anh K xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: chị H và anh K xác định anh chị không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Đối với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án phù hợp với đánh giá, nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

[4] Về án phí: chị H yêu cầu ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 207, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị H

1. Về hôn nhân: Cho chị H ly hôn với anh K.
2. Về con chung: không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.
3. Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.
4. Về nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.
5. Về án phí: chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị H đã nộp tạm ứng án phí số tiền là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000733 ngày 27 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu nên được chuyển thu toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.
6. Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi Nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP. Bạc Liêu;
- Chi cục THADS TP. Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

Phùng Văn Định

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi Nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP. Bạc Liêu;
- Chi cục THADS TP. Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

Phùng Văn Định